TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST

Ngày: 19/6/2026

"V/v TrAh chấp về hợp dân sự vay tài sản".

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn An và bà Vũ Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Kim Quy – Thư ký viên Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thùy TrAg - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Vân A, sinh năm: 1985; CCCD 046185002324; Trú tại: thôn 7, xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1970; CCCD số 051170003822 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1992; CCCD 068192001884; Cùng trú tại: thôn 10, xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Vân A (bà A) trình bày: Do có quA hệ quen biết nên bà A nhiều lần cho bà L vay tiền, đến Ngày 05 tháng 12 năm 2025 bà A đã cho bà Nguyễn Thị Kim L và mẹ là Bùi Thị Ánh T vay số tiền: 570.000.000đ (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*). Thời hạn cho vay từ ngày 05/12/2025 đến ngày 05/01/2026, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, khi vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay có chữ ký xác nhận của người vay bà T và bà L. Hết thời hạn

vay bà T và bà L chưa trả bất cứ khoản nào cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà T và bà L có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc 570.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 05/12/2025 đến ngày 19/6/2026 với mức lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng. Cụ thể: 570.000.000đ x 1,66% x 6 tháng 14 ngày = 61.187.600đ. Tổng cộng số tiền bà A yêu cầu bà T và bà L phải liên đới trả là: 631.187.600đ (trong đó gốc là 570.000.000đ; lãi là 61.187.600đ). Ngoài ra bà T và bà L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại thời điểm xác lập vay mượn do không nắm rõ quy định của pháp luật nên các bên đã ghi vào giấy vay là 2%/tháng nhưng bà L và bà T chưa trả bất cứ khoản lãi nào, nay bà A yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi do Nhà nước quy định là 20%/năm tương ứng với 1,66%/ tháng để tính lãi và yêu cầu bà T và bà L phải trả.

Theo lời khai và biên bản làm việc ngày 23/4/2026 có trong hồ sơ bị đơn bà T trình bày: bà T xác nhận có ký vào giấy vay tiền ngày 05/12/2025, nhưng bà T ký để cho con gái là bà Nguyễn Thị Kim L vay tiền, bà T không phải là người trực tiếp vay tiền của bà A. Bà T đồng ý trả cho bà A 1/3 số nợ theo giấy vay tiền khoảng 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*); nếu bán được đất bà T sẽ trả cho bà A một phần, số tiền nợ còn lại sẽ trả dần khi đến mùa sầu riêng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được đồng thời bà L không trình bày ý kiến liên quA đến nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, phiên tòa được tiến hành đúng trình tự, thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng; quA hệ trAh chấp được Tòa án xác định là "TrAh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà A khởi kiện bị đơn bà T và bà L yêu cầu trả số tiền vay 570.000.000đ và tiền lãi phát sinh, bà T và bà L có địa chỉ cư trú tại: thôn 10, xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án trAh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Qua quá trình tố tụng: bị đơn bà T và bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 05/12/2025 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A:

+ Về tiền gốc vay: bà A khởi kiện yêu cầu bà T và bà L phải trả số tiền nợ gốc là 570.000.000đ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 05/12/2025 có chữ ký xác nhận của người vay bà T và bà L. Số tiền nợ gốc này đã được bị đơn bà T thừa nhận là có thực hiện giao dịch vay mượn đồng thời đồng ý trả phột phần nợ cho bà A tại biên bản làm việc ngày 23/4/2026; quá trình tố tụng bà L không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, bà A khởi kiện yêu cầu bà T và bà L trả số tiền gốc vay 570.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 05/12/2025 đến ngày 19/6/2026 với mức lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng. Cụ thể: 570.000.000đ x 1,66% x 6 tháng 14 ngày = 61.187.600đ. Xét thấy, thời điểm tính lãi, mức tính lãi và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự mặt khác bị đơn bà T và bà L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện về lãi của nguyên đơn. Do vậy yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vân A đối với bị đơn bà Bùi Thị Ánh T và bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Bùi Thị Ánh T và bà Nguyễn Thị Kim L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Vân A số tiền 631.187.600đ (*Sáu trăm ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời giA chưa trả.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Ánh T và bà Nguyễn Thị Kim L phải liên đới chịu 29.247.504đ (*hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm lẻ bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Vân A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.571.000đ (*mười ba triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006237 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng thi hành án dân sự khu vực 5.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn A - Vũ Thị Thi **Nghiêm Văn Hải**

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

TAND KHU VỰC 5

LNG190626.TL.QDBA
780

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nghiêm Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn A - Vũ Thị Thi **Nghiêm Văn Hải**

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nghiêm Văn Hải

TAND KHU VỰC 5



LNG190626.TL.QDBA
780